

Số: 70 /TB-ĐHTDM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026

Trường Đại học Thủ Dầu Một thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2026, cụ thể như sau.

I. NGÀNH VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

STT	Ngành tuyển sinh	Mã ngành	Dự kiến chỉ tiêu	Định hướng đào tạo	Phương thức tuyển sinh
1	Luật kinh tế	8380107	50	Áp dụng tất cả các ngành tuyển sinh, bao gồm: Định hướng nghiên cứu và Định hướng ứng dụng	(1) Xét tuyển thẳng: chỉ tiêu 30% (2) Xét tuyển theo hồ sơ năng lực: chỉ tiêu 70%
2	Quản trị kinh doanh	8340101	50		
3	Quản lý giáo dục	8140114	55		
4	Văn học Việt Nam	8220121	45		
5	Kế toán	8340301	30		
6	Tài chính ngân hàng	8340201	30		
7	Khoa học môi trường	8440301	30		
8	Lịch sử Việt Nam	8229013	35		
9	Công tác xã hội	8760101	35		
10	Ngôn ngữ Anh	8220201	50		
11	Hệ thống thông tin	8480104	50		
12	Hóa học	8440112	45		
13	Tâm lý học	8310401	50		
14	Toán học	8460101	40		

Ghi chú: Chỉ tiêu chính thức của Nhà trường sẽ được thông báo trên trang thông tin điện tử sau khi được Bộ GDĐT phê duyệt. Trong trường hợp chưa sử dụng hết chỉ tiêu ở một phương thức xét tuyển, Nhà trường sẽ chuyển chỉ tiêu sang các phương thức khác.

II. ĐỐI TƯỢNG DỰ TUYỂN, HÌNH THỨC, THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- Đối tượng dự tuyển: Công dân Việt Nam; Công dân nước ngoài.
- Hình thức và thời gian đào tạo: Chính quy, 2 năm
- Hình thức và thời gian học: Trực tiếp (70%) kết hợp trực tuyến (30%), lịch học được thiết kế linh hoạt, tập trung trực tiếp vào hai ngày cuối tuần (Thứ 7, Chủ nhật) kết hợp trực tuyến một số buổi tối trong tuần.
- Địa điểm đào tạo: tại Trường Đại học Thủ Dầu Một

Đml

III. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1. Điều kiện về văn bằng

- Đã **tốt nghiệp đại học**¹ ngành phù hợp với ngành dự tuyển. Đối với ngành cần học bổ sung kiến thức, ứng viên phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức xem tại **Phụ lục I** của thông báo này. Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT.

- Đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu ứng viên có xếp loại tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu² (xem chi tiết tại **Phụ lục II**).

2. Điều kiện về ngoại ngữ: Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Ứng viên chưa đủ điều kiện ngoại ngữ phải đăng ký dự thi đánh giá năng lực ngoại ngữ ở trình độ Bậc 3/6. Riêng ngành Ngôn ngữ Anh, ngoại ngữ ứng viên đăng ký dự tuyển đầu vào là ngôn ngữ khác ngôn ngữ Anh (xem tại **Phụ lục II** và **Phụ lục III**).

IV. CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH

Được quy định chi tiết ở **Phụ lục II** của thông báo này³.

V. MÔ TẢ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1. Phương thức xét tuyển thẳng (mã PT 600)

a) Điều kiện về văn bằng tốt nghiệp đại học: Tốt nghiệp đại học ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức với ngành đăng ký xét tuyển thẳng (xem **Phụ lục I**) gồm một trong những đối tượng: Tốt nghiệp đại học chính quy loại giỏi (Điểm trung bình toàn khóa từ 8.0 trở lên) **hoặc** đạt giải Nhất, Nhì, Ba: Các kỳ thi Olympic sinh viên; giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; giải thưởng Eureka và các giải thưởng khoa học công nghệ cấp quốc gia, quốc tế được tổ chức ở trong nước và ngoài nước. Đối với các giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học, chỉ áp dụng cho sinh viên chủ trì đề tài hoặc nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

b) Điều kiện về ngoại ngữ: Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Phương thức xét tuyển theo hồ sơ năng lực (mã PT 700)

a) Điều kiện về văn bằng tốt nghiệp đại học và năng lực ngoại ngữ: Tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển và đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương. Trường hợp ứng viên chưa đủ điều kiện ngoại ngữ đầu vào thì thực hiện thi đánh giá năng lực

¹ Ứng viên đã tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên).

² Ứng viên có công bố khoa học trên các tạp chí chuyên ngành được tính điểm của Hội đồng Giáo sư nhà nước, Kỷ yếu Hội thảo khoa học có chỉ số ISBN, sách có chỉ số ISBN hoặc là chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên đã nghiệm thu đạt.

³ Ứng viên nộp hồ sơ ưu tiên cùng với thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

ngoại ngữ do Trường Đại học Thủ Dầu Một tổ chức trong mỗi đợt xét tuyển (xem tại **Phụ lục II và Phụ lục III**).

b) Tiêu chí xét tuyển và quy đổi điểm xét tuyển:

(1) Xét điểm trung bình tích lũy bậc đại học: Xét điểm trung bình tích lũy (tính đến 2 chữ số thập phân) theo thang điểm 10. Các trường hợp khác áp dụng quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường để quy đổi về thang điểm 10.

(2) Xét điểm Bài luận dự định nghiên cứu: Bài luận được đánh giá theo thang điểm 10,0 (tính đến 2 chữ số thập phân). Kết quả đánh giá bài luận của ứng viên phải đạt tối thiểu 5,0/10,0 để đủ điều kiện xét tuyển.

(3) Điểm thưởng ứng viên tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành tuyển sinh: Áp dụng với ứng viên tốt nghiệp đại học ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức là 0,5 điểm.

(4) Điểm thưởng về thành tích nghiên cứu khoa học: Điểm thưởng đối với mỗi ứng viên có công bố khoa học từ 0,25 đến 0,75 điểm do Ban chuyên môn quyết định căn cứ chất lượng, nội dung bài báo, báo cáo.

(5) Điểm ưu tiên: Theo Quy chế Tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ của Trường.

Tổng điểm xét tuyển theo hồ sơ năng lực được tính như sau:

$$\text{Tổng điểm xét tuyển hồ sơ năng lực} = (1) + (2) + (3) + (4) + (5)$$

V. HỒ SƠ, THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ VÀ TỔ CHỨC TUYỂN SINH

1. Hồ sơ dự tuyển: Xem phụ lục IV

2. Thời gian nộp hồ sơ

- Đợt 1 năm 2026: Từ ngày ra thông báo đến ngày 21/6/2026.
- Đợt 2 năm 2026: Từ ngày ra thông báo đến ngày 11/10/2026.

3. Thời gian tổ chức xét tuyển và đánh giá năng lực ngoại ngữ

- Đợt 1: Dự kiến ngày 18/7/2026 và 19/7/2026.
- Đợt 2: Dự kiến ngày 14/11/2026 và 15/11/2026.

VI. TỔ CHỨC ÔN TẬP NGOẠI NGỮ ĐẦU VÀO

- Đối tượng ôn tập: Ứng viên chưa đủ điều kiện về ngoại ngữ đầu vào có nhu cầu ôn tập.
- Thời gian đăng ký:
 - + Đợt 1: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 19/6/2026.
 - + Đợt 2: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 02/10/2026.
- Hồ sơ đăng ký: Đơn đăng ký ôn tập
(Tải mẫu đơn đăng ký tại Link: <https://bdsdh.tdmu.edu.vn/Home/DanhSach/1237>)
- Đăng ký trực tuyến tại Link: <https://forms.gle/EHZN2EuvwITCt6NV8>
- Hoặc đăng ký trực tiếp tại Ban Tuyển sinh và truyền thông.

- Thời gian ôn tập: xem **Phụ lục V**.
- Học phí và hình thức nộp học phí ôn tập: 1.800.000 đồng, hình thức nộp học phí: xem **Phụ lục VI**.

VII. LỆ PHÍ TUYỂN SINH VÀ HỌC PHÍ⁴

1. Lệ phí tuyển sinh

- Xét tuyển thẳng; Xét tuyển theo hồ sơ năng lực không thi đánh giá năng lực ngoại ngữ: 510.000 đồng
- Xét tuyển theo hồ sơ năng lực kết hợp thi đánh giá năng lực ngoại ngữ: 710.000 đồng.
- Hình thức nộp: xem **Phụ lục VI**.

2. Học phí và chính sách giảm học phí⁵

- Học phí: Chi tiết học phí hệ đào tạo sau đại học (xem **Phụ lục VI**).
- Chính sách giảm học phí: Giảm 20% học phí khóa học đối với ứng viên đã tốt nghiệp tại Trường Đại học Thủ Dầu Một, học lên một ngành thạc sĩ của trường trong thời hạn 03 năm tính từ ngày tốt nghiệp đến ngày Quyết định công nhận học viên.

VIII. PHÚC KHẢO KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN

1. Phúc khảo kết quả xét tuyển và thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào

- Ứng viên được phúc khảo đối với điểm Bài luận dự định nghiên cứu và bài thi các kỹ năng Nghe - Đọc - Viết trong bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào.
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả tuyển sinh, ứng viên có quyền nộp đơn đề nghị phúc khảo đối với điểm bài luận và điểm các kỹ năng Nghe - Đọc - Viết của bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ. Đơn đề nghị phúc khảo ứng viên nộp tại Ban Quản lý Đào tạo (dãy F1, cổng 3).
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận đơn đề nghị phúc khảo Hội đồng tuyển sinh tổ chức chấm thi phúc khảo và công bố kết quả đến ứng viên.

2. Điều kiện trúng tuyển

- a) Đối với phương thức xét tuyển thẳng: Xét kết quả từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu. Trường hợp xét trúng tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu tuyển thẳng nhưng số ứng viên cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại thì tiêu chí phụ là ưu tiên nữ giới.
- b) Đối với phương thức xét tuyển theo hồ sơ năng lực
 - Ứng viên thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt tối thiểu 5,0/10,0 của thang điểm đối với Bài luận.

⁴ Nhà trường không hoàn trả học phí bổ sung kiến thức, ôn tập và lệ phí tuyển sinh sau khi ứng viên đã nộp tiền theo quy định.

⁵ Theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐT ngày 01/7/2024 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Thủ Dầu Một, và Công văn số 772/ĐHTDM-BCS&HTNN ngày 11/9/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một.

- Riêng đối với hình thức xét tuyển theo hồ sơ năng lực kết hợp với thi đánh giá năng lực ngoại ngữ, ứng viên phải đạt 50 điểm trở lên theo thang điểm 100 đối với môn ngoại ngữ đồng thời các bài thi Nghe – Nói - Đọc - Viết không dưới 30% thang điểm cho mỗi kỹ năng.

- Nguyên tắc xét trúng tuyển: Xét kết quả từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu. Trường hợp xét trúng tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu nhưng số ứng viên cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại thì thực hiện xét theo tiêu chí phụ, thứ tự như sau: (1) Ứng viên có điểm Bài luận cao hơn; (2) Ứng viên có điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học ở bậc đại học cao hơn; (3) Ứng viên là nữ giới.

IX. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP HỒ SƠ

1. Phương thức nộp hồ sơ dự tuyển

Ứng viên có thể lựa chọn một trong hai hình thức sau:

a) Nộp hồ sơ trực tuyến

- Nộp trực tuyến tại đường Link: <https://forms.gle/mBQYmTc4AohFddn78>

- Tải bản scan các hồ sơ đăng ký theo danh mục tại phụ lục IV vào link trên.

- Sau khi tiếp nhận thông tin từ ứng viên, Nhà trường sẽ thông báo kết quả kiểm tra hồ sơ tới ứng viên.

b) Nộp hồ sơ trực tiếp

Nộp trực tiếp tại Ban Tuyển sinh và truyền thông để được hướng dẫn chi tiết.

2. Thông tin liên hệ

Ban Tuyển sinh và truyền thông (cổng số 3, Trường Đại học Thủ Dầu Một, 06 Trần Văn Ôn, phường Phú Lợi, Tp. Hồ Chí Minh).

- Website: <https://tuyensinh.tdmu.edu.vn/> ; Email: tuyensinh@tdmu.edu.vn

- Điện thoại 19009171; 0911022322 (zalo).

Ứng viên căn cứ vào các điều kiện quy định ở trên có nhu cầu đăng ký nộp hồ sơ dự tuyển, khi trúng tuyển không được đổi ngành đào tạo.

Trên đây là Thông báo của Trường Đại học Thủ Dầu Một về Tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ năm 2026./

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Trường (để b/c);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường;
- Website Trường;
- Lưu: VT, BQLĐT, NTD (3).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Ngô Hồng Điệp

Phụ lục I
NGÀNH PHÙ HỢP VỚI NGÀNH TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
VÀ HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

(Đính kèm Thông báo số 70 /TB-DHTDM ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Ngành Luật kinh tế

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (Tổng 20 tín chỉ)
Luật; Luật Hiến pháp và Luật Hành chính; Luật Dân sự và Tố tụng dân sự; Luật Hình sự và Tố tụng hình sự; Luật Kinh tế; Luật Quốc tế.	<p>- Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án.</p> <p>- Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Kinh tế số; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Quan hệ quốc tế; Xã hội học, Nhân học; Tâm lý học; Tâm lý học giáo dục.</p> <p>- Báo chí; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Công nghệ truyền thông; Truyền thông Quốc tế; Quan hệ công chúng; Trình sát an ninh; Trình sát cảnh sát; Điều tra hình sự; Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; quản lý trật tự an toàn giao thông; Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp.</p>	<ol style="list-style-type: none">1. Lý luận về nhà nước (3+0).2. Lý luận về pháp luật (3+0).3. Pháp luật về chủ thể kinh doanh (3+0).4. Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ (3+0).5. Luật Tài chính (2+0)6. Luật Tố tụng dân sự (3+0)7. Luật Đất đai (3+0)

2. Ngành Quản trị kinh doanh

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức
Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; Khoa học quản lý; Quản lý công; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án; Quản trị nhân lực; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Du lịch.	<p><u>Nhóm 1:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài chính - Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính; Kế toán; Kiểm toán. - Kinh tế; Kinh tế Chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Kinh tế số. - Toán học; Khoa học tính toán; Toán ứng dụng; Toán cơ; Toán tin; Thống kê; Kinh tế gia đình; Kinh tế xây dựng; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế công nghiệp; Kinh tế vận tải; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Kinh doanh xuất bản phẩm; Kinh doanh nông nghiệp; Quản lý công nghiệp; Quản lý văn hóa; Quản lý nhà nước; Quản lý thông tin; Quản lý đô thị và công trình; Quản lý xây dựng; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý thủy sản; Tổ chức và quản lý y tế; Quản lý bệnh viện; Quản lý thể dục thể thao; Quản lý hoạt động bay; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý đất đai; Phát triển nông thôn. 	1. Quản trị tài chính (3+0) 2. Marketing căn bản (3+0) 3. Quản trị chất lượng (3+0) 4. Kinh tế vi mô (3+0) (Tổng 12 tín chỉ)
	<p><u>Nhóm 2: Đối với ứng viên tại nhóm 2 phải có kinh nghiệm làm việc có liên quan đến lĩnh vực kinh tế, quản trị, quản lý ở vị trí việc làm từ quản lý tổ, đội, nhóm trở lên được cơ quan/đơn vị công tác xác nhận.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật kinh tế; Quản lý giáo dục; Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; Quản lý trật tự an toàn giao thông; Chỉ huy, quản lý kỹ thuật; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Hàn Quốc; Ngôn ngữ Nhật; Ngôn ngữ Pháp. - Su phạm toán học; Su phạm tin học; Su phạm vật lý; Su phạm hóa học; Su phạm sinh học; Su phạm tiếng Anh; Su phạm tiếng Pháp; Su phạm tiếng Trung Quốc; Su phạm tiếng Nhật; Su phạm tiếng Hàn Quốc; Su phạm công nghệ; Su phạm khoa học tự nhiên. - Chính trị học; Quan hệ quốc tế; Xã hội học; Quốc tế học; Đông phương học; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Việt Nam học. - Báo chí; Truyền thông đa phương tiện; Quan hệ công chúng; Thông tin – thư viện; Bảo tàng học; Xuất bản. - Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật quốc tế; - Sinh học; Công nghệ sinh học; Kỹ thuật sinh học; Sinh học ứng dụng. 	1. Quản trị tài chính (3+0) 2. Marketing căn bản (3+0) 3. Quản trị chất lượng (3+0) 4. Khởi nghiệp (3+0) 5. Kinh tế vi mô (3+0) 6. Kinh tế vĩ mô (3+0) 7. Quản trị sản xuất (2+0) (Tổng 20 tín chỉ)

Dme

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức
	<p>- Vật lý học; Vật lý nguyên tử và hạt nhân; Cơ học; Hóa học; Khoa học vật liệu; Địa chất học; Bản đồ học; Địa lý tự nhiên; Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học; Khoa học môi trường.</p> <p>- Khoa học máy tính; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật máy tính.</p> <p>- Công nghệ kỹ thuật kiến trúc; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ chế tạo máy; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật nhiệt; Công nghệ kỹ thuật tàu thủy; Bảo dưỡng công nghiệp; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Công nghệ vật liệu; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Công nghệ kỹ thuật hạt nhân; Công nghệ dầu khí và khai thác dầu; Công nghệ kỹ thuật in.</p> <p>- Cơ kỹ thuật; Kỹ thuật cơ khí; Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật nhiệt; Kỹ thuật cơ khí động lực; Kỹ thuật công nghiệp; Kỹ thuật hệ thống công nghiệp; Kỹ thuật hàng không; Kỹ thuật không gian; Kỹ thuật tàu thủy; Kỹ thuật ô tô; Kỹ thuật in; Kỹ thuật hàng hải; Kỹ thuật điện; Kỹ thuật radar – dẫn đường; Kỹ thuật thủy âm; Kỹ thuật biển; Kỹ thuật điện tử - viễn thông; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật vật liệu; Kỹ thuật vật liệu kim loại; Kỹ thuật dệt; Kỹ thuật môi trường; Vật lý kỹ thuật; Kỹ thuật hạt nhân; Kỹ thuật địa chất; Kỹ thuật địa vật lý; Kỹ thuật trắc địa – bản đồ; Kỹ thuật mỏ; Kỹ thuật thăm dò và khảo sát; Kỹ thuật dầu khí; Kỹ thuật tuyển khoáng.</p> <p>- Công nghệ thực phẩm; Kỹ thuật thực phẩm; Công nghệ sau thu hoạch; Công nghệ chế biến thủy sản; Công nghệ sợi, dệt; Công nghệ vật liệu dệt, may; Công nghệ dệt, may; Công nghệ da giày; Công nghệ chế biến lâm sản.</p> <p>- Kiến trúc; Kiến trúc cảnh quan; Kiến trúc nội thất; Kiến trúc đô thị; Quy hoạch vùng và đô thị; Thiết kế nội thất; Bảo tồn di sản kiến trúc - Đô thị; Đô thị học; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình biển; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Địa kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật cấp thoát nước.</p>	

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức
	<p>- Nông nghiệp; Khuyến nông; Khoa học đất; Chăn nuôi; Nông học; Khoa học cây trồng; Bảo vệ thực vật; Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan; Lâm học; Lâm nghiệp đô thị; Lâm sinh; Nuôi trồng thủy sản; Bệnh học thủy sản; Khoa học thủy sản; Khai thác thủy sản; Thú y.</p> <p>- Công tác xã hội; Khai thác vận tải; Bảo hộ lao động.</p>	

3. Ngành Quản lý giáo dục

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (Tổng 12 tín chỉ)
<p>Giáo dục học; Công nghệ giáo dục; Quản lý giáo dục.</p>	<p>- Nhóm ngành Đào tạo giáo viên gồm các ngành: Giáo dục Mầm non; Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Đặc biệt; Giáo dục công dân, Giáo dục Chính trị; Giáo dục Thể chất; Huấn luyện thể thao; Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Sư phạm Toán học; Sư phạm Tin học; Sư phạm Vật lý; Sư phạm Hóa học; Sư phạm Sinh học; Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp; Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp; Sư phạm Ngữ văn; Sư phạm Lịch sử; Sư phạm Địa lý; Sư phạm Âm nhạc; Sư phạm Mỹ thuật; Sư phạm Tiếng Bana; Sư phạm Tiếng Êđê; Sư phạm Tiếng Jrai; Sư phạm Tiếng Khmer; Sư phạm Tiếng H'mong; Sư phạm Tiếng Chăm; Sư phạm Tiếng M'ông; Sư phạm Tiếng Xê-đăng; Sư phạm Tiếng Anh; Sư phạm Tiếng Nga; Sư phạm Tiếng Pháp; Sư phạm Tiếng Trung Quốc; Sư phạm Tiếng Đức; Sư phạm Tiếng Nhật; Sư phạm Tiếng Hàn Quốc; Sư phạm nghệ thuật; Sư phạm công nghệ; Sư phạm Khoa học tự nhiên; Giáo dục pháp luật; Sư phạm Lịch sử - Địa lý.</p> <p>- Các ngành: Tâm lý học; Tâm lý học giáo dục; Hỗ trợ giáo dục cho người khuyết tật; Quản lý văn hoá; Quản lý nhà nước; Quản lý thông tin; Quản lý thể dục thể thao; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án; Quản lý nhà nước về an ninh trật tự.</p> <p>- Những ngành còn lại trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo mà ứng viên đang công tác trong lĩnh vực giáo dục và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên/giáo viên tiểu học/giáo viên THCS/giáo viên THPT</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý giáo dục đại cương (3+0) 2. Giáo dục học (3+0) 3. Tâm lý giáo dục (3+0) 4. Quản lý nhà trường (3+0)

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (Tổng 12 tín chỉ)
	hoặc có chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên tiểu học/giáo viên THCS/giáo viên THPT do Trường Đại học Thủ Dầu Một cấp hoặc có chứng chỉ Chức danh nghề nghiệp giáo viên (mầm non, tiểu học, THCS, THPT) hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục.	

4. Ngành Văn học Việt Nam

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (Tổng 12 tín chỉ)
Văn học; Sư phạm Ngữ văn; Sáng tác văn học.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm ngành ngôn ngữ văn học và Văn hóa Việt Nam gồm: Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Hán Nôm; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam; Ngôn ngữ Khmer; Ngôn ngữ H'mong; Ngôn ngữ Chăm; Ngôn ngữ Jrai. - Nhóm ngành Ngôn ngữ; văn học và văn hóa nước ngoài gồm: Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Đức; Ngôn ngữ Tây Ban Nha; Ngôn ngữ Bồ Đào Nha; Ngôn ngữ Italia; Ngôn ngữ Nhật; Ngôn ngữ Hàn Quốc; Ngôn ngữ Ả-rập. - Các ngành: Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Lịch sử; Ngôn ngữ học; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Gia đình học. - Các ngành: Việt Nam học; Du lịch; Nhân học; Đông phương học; Đông Nam Á học; Châu Á học. - Và các ngành được tổ hợp từ những ngành trên. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lý luận Văn học (3+0) 2. Văn học Việt Nam trung đại (3+0) 3. Văn học Việt Nam hiện đại 1 (3+0) 4. Văn học Việt Nam hiện đại 2 (3+0)

5. Ngành Kế toán

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (Tổng 12 tín chỉ)
Kế toán; Kiểm toán.	<p>- Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án.</p> <p>- Kinh tế; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Toán kinh tế; Kinh tế số; Quản lý công nghiệp; Kinh tế công nghiệp; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Kinh tế xây dựng; Kinh tế nông nghiệp; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Kinh tế gia đình; Kinh tế vận tải; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyên lý kế toán (3+0) 2. Kế toán quản trị (3+0) 3. Kế toán tài chính (3+0) 4. Quản trị tài chính (3+0)

6. Ngành Tài chính ngân hàng

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (Tổng 12 tín chỉ)
Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính.	<p>- Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án;</p> <p>- Kinh tế; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Toán kinh tế; Kinh tế số; Quản lý công nghiệp; Kinh tế công nghiệp; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Kinh tế xây dựng; Kinh doanh nông nghiệp; Kinh tế nông nghiệp; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Kinh tế gia đình; Kinh tế vận tải; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tài chính tiền tệ (3+0) 2. Thị trường tài chính và các định chế tài chính (3+0) 3. Tài chính doanh nghiệp (3+0) 4. Quản trị ngân hàng thương mại (3+0)

7. Ngành Khoa học Môi trường

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (Tổng 12 tín chỉ)
Khoa học môi trường; Kỹ thuật môi trường; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường.	<p>- Quản lý đất đai; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý tổng hợp tài nguyên nước, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý tài nguyên môi trường và biển đảo, Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật cấp thoát nước, Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học; Bảo hộ lao động; Địa chất học; Bản đồ học; Địa lý tự nhiên kỹ thuật, Kỹ thuật địa chất; Kỹ thuật địa vật lý; Kỹ thuật trắc địa - bản đồ; Kỹ thuật mỏ; Kỹ thuật thăm dò và khảo sát; Kỹ thuật dầu khí; Kỹ thuật tuyển khoáng, Khoa học đất;</p> <p>- Nông nghiệp; Khuyến nông; Chăn nuôi; Nông học; Khoa học cây trồng; Bảo vệ thực vật; Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan; Kinh doanh nông nghiệp; Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn; Lâm học; Lâm nghiệp đô thị; Lâm sinh;</p> <p>- Công nghệ sinh học; Kỹ thuật sinh học; Sinh học ứng dụng; Vật lý học; Hoá học; Khoa học vật liệu; Công nghệ kỹ thuật hoá học; Công nghệ vật liệu; Công nghệ kỹ thuật hạt nhân; Công nghệ thực phẩm; Kỹ thuật thực phẩm; Công nghệ sau thu hoạch; Công nghệ chế biến thủy sản; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm; Quản lý đô thị và công trình; Bảo tồn di sản kiến trúc - đô thị; Đô thị học; Nuôi trồng thủy sản; Bệnh học thủy sản; Khoa học thủy sản; Khai thác thủy sản; Quản lý thủy sản.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công nghệ môi trường (3+0) 2. Sức khỏe và an toàn môi trường (HSE) (3+0) 3. Biến đổi khí hậu (3+0) 4. Đánh giá tác động môi trường (3+0)

8. Ngành Lịch sử Việt Nam

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (Tổng 12 tín chỉ)
Lịch sử; Sư phạm Lịch sử; Sư phạm Lịch sử - Địa lý	<p>- Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Quan hệ quốc tế; Quốc tế học; Việt Nam học.</p> <p>- Xã hội học; Nhân học; Quản lý nhà nước; Ngôn ngữ học; Văn học; Quản lý văn hóa; Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Một số vấn đề trong nghiên cứu khoa học Lịch sử (3+0) 2. Lịch sử Thế giới hiện đại (3+0) 3. Lịch sử Việt Nam hiện đại (3+0)

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (Tổng 12 tín chỉ)
	<p>- Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học; Lưu trữ học; Bảo tàng học;</p> <p>- Báo chí; Địa lí học; Thông tin – Thư viện; Du lịch; Giáo dục chính trị; Giáo dục công dân; Giáo dục pháp luật; Giáo dục quốc phòng an ninh.</p>	4. Việt Nam trong tiến trình lịch sử thế giới (3+0)

9. Ngành Công tác xã hội

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (Tổng 12 tín chỉ)
<p>Công tác xã hội; Công tác thanh thiếu niên; Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.</p>	<p>- Nhóm ngành Khoa học xã hội và hành vi: Xã hội học; Nhân học; Tâm lý học; Tâm lý học giáo dục; Địa lý học; Quốc tế học; Châu Á Học; Thái Bình Dương học; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Quan hệ quốc tế; Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển;</p> <p>- Nhóm ngành Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên: Giáo dục học; Công nghệ giáo dục; Quản lý giáo dục; Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Đặc biệt; Giáo dục Công dân; Giáo dục Chính trị; Giáo dục Thể chất; Huấn luyện thể thao; Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Giáo dục pháp luật.</p> <p>- Nhóm ngành Pháp luật: Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Luật kinh tế; Luật quốc tế.</p> <p>- Nhóm ngành Sức khỏe: Y khoa; Y học dự phòng; Y học cổ truyền; Điều dưỡng; Hộ sinh; Dinh dưỡng; Y tế công cộng; Tổ chức và Quản lý y tế; Quản lý bệnh viện.</p> <p>- Nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý: Khoa học quản lý; Quản lý công; Chính sách công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Hành chính học; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án; Quản trị kinh doanh; Marketing; Kế toán; Kiểm toán; Tài chính – Ngân hàng.</p>	<p>1. Nhập môn Công tác xã hội (3+0)</p> <p>2. Công tác xã hội cá nhân (3+0)</p> <p>3. Công tác xã hội nhóm (3+0)</p> <p>4. Tổ chức Phát triển cộng đồng (3+0)</p>

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (Tổng 12 tín chỉ)
	<p>- Các ngành: Báo chí; Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Công nghệ truyền thông; Truyền thông Quốc tế; Quan hệ công chúng; Phát triển bền vững; Giới và phát triển.</p> <p>- Ứng viên tốt nghiệp ngành đào tạo trình độ đại học khác có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trở lên làm việc trong lĩnh vực an sinh xã hội như: lao động - thương binh xã hội; bảo hiểm xã hội; trường học; bệnh viện; trung tâm bảo trợ; trung tâm công tác xã hội; trung tâm giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa; làng trẻ, viện dưỡng lão; trung tâm cai nghiện; cơ sở giáo dục lao động xã hội; hỗ trợ người nghiện ma túy cai nghiện và tái hòa nhập cộng đồng; trung tâm giới thiệu việc làm; hội Chữ thập đỏ; hội Liên hiệp Phụ nữ; đoàn Thanh niên; quỹ từ thiện/quỹ xã hội; doanh nghiệp xã hội và các tổ chức phi chính phủ (có xác nhận của cơ quan/đơn vị công tác).</p> <p>- Trường hợp có thí sinh thuộc ngành khác ngoài danh mục sẽ được Hội đồng tuyển sinh xem xét và quyết định.</p>	

10. Ngành Ngôn ngữ Anh

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (Tổng 12 tín chỉ)
<p>Ngôn ngữ Anh; Ngữ văn Anh; Sur phạm Tiếng Anh.</p>	<p>Ứng viên tốt nghiệp ngành đào tạo trình độ đại học khác (hoặc trình độ tương đương trở lên), đáp ứng 1 trong 2 điều kiện sau:</p> <p>1) Có năng lực tiếng Anh từ bậc 5 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc các chứng chỉ khác có giá trị tương đương). Chứng chỉ năng lực tiếng Anh phải nằm trong danh sách công nhận của Bộ GD&ĐT và được cấp không quá 24 tháng tính đến ngày xét tuyển.</p> <p>2) Chương trình đào tạo đại học của ứng viên được thực hiện toàn phần bằng tiếng Anh (Bằng tốt nghiệp phải nằm trong danh sách công nhận văn bằng của Bộ GD&ĐT)</p>	<p>1. Ngôn ngữ học đại cương (2+0) 2. Semantics (2+0) 3. Syntax (2+0) 4. Morphology (2+0) 5. Phonetics and phonology (2+0) 6. Approaches to translation (2+0)</p>

11. Ngành Hệ thống thông tin

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (Tổng 12 tín chỉ)
<p>Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Khoa học dữ liệu; An toàn thông tin; Kỹ thuật máy tính; Su phạm Tin học; Tin học quản lý; Hệ thống thông tin quản lý; Hệ thống thông tin kinh tế; Kỹ thuật dữ liệu; Tin học ứng dụng; Tin học.</p>	<p>Toán học; Toán tin; Su phạm Toán; Su phạm Vật lý; Vật lý; Điện tử Viễn thông; Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông; Điều khiển học; Kỹ thuật y sinh; Quản lý công nghiệp, Công nghệ kỹ thuật điện- điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện-truyền thông; Kỹ thuật điện- điện tử; Kỹ thuật cơ điện tử; Cơ điện tử; Kỹ thuật điện; Công nghệ đa phương tiện; Truyền thông đa phương tiện; Thương mại điện tử.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kỹ thuật lập trình (3+0) 2. Các thuật toán thông minh nhân tạo và ứng dụng (3+0) 3. Cơ sở dữ liệu (3+0) 4. Cấu trúc dữ liệu (3+0)

12. Ngành Hóa học

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (Tổng 12 tín chỉ)
<p>Hóa học; Su phạm hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật hóa học; Hóa dược; Dược học.</p>	<p>- Sinh học; Công nghệ sinh học; Kỹ thuật sinh học; Sinh học ứng dụng, Su phạm Sinh học; - Vật lý học; Su phạm Vật lý; Khoa học vật liệu; - Khoa học môi trường; Kỹ thuật môi trường; Quản lý đất đai; Quản lý tài nguyên và môi trường; Công nghệ vật liệu; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Công nghệ kỹ thuật hạt nhân; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật vật liệu; Kỹ thuật môi trường; Công nghệ thực phẩm; Kỹ thuật thực phẩm; Công nghệ sau thu hoạch; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm. - Y khoa; Y học dự phòng; Y học cổ truyền; Dinh dưỡng; Khoa học đất.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hóa đại cương (3+0) 2. Hóa vô cơ (3+0) 3. Hóa lý (3+0) 4. Hóa hữu cơ (3+0)

13. Tâm lý học

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (Tổng 12 tín chỉ)
Tâm lý học; Tâm lý học giáo dục; Tâm lý học lâm sàng.	Công tác xã hội; Xã hội học; Giáo dục đặc biệt; Giáo dục học; Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Mầm non; Y tế công cộng; Bác sĩ Y học dự phòng; Điều dưỡng; Bác sĩ đa khoa; Tâm thần học.	1. Tâm lý học phát triển (3+0) 2. Tâm lý học giáo dục (3+0) 3. Tham vấn tâm lý (3+0) 4. Tâm lý học nhân cách (3+0)

14. Toán học

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp không học bổ sung kiến thức	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (Tổng 12 tín chỉ)
Toán học; Sư phạm Toán học; Khoa học tính toán; Khoa học dữ liệu; Thống kê; Toán ứng dụng; Toán cơ; Toán tin.	Sư phạm vật lý ; Sư phạm tin học ; Vật lý học; Khoa học máy tính; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật máy tính; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính.	1. Cơ sở giải tích hiện đại (3+0). 2. Cơ sở đại số hiện đại (3+0). 3. Lý thuyết tích phân Lebesgue (3+0). 4. Đại số tuyến tính (3+0)

Ghi chú:

- Các ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức **có cùng nhóm ngành, lĩnh vực** với các ngành trong danh mục trên, nhưng tên ngành trên văn bằng được cấp không giống với các ngành trong danh mục thì Ban Chuyên môn sẽ xem xét cụ thể từng trường hợp khi ứng viên nộp hồ sơ dự tuyển.

- Nếu bằng điểm Đại học đã có kết quả đạt những học phần cần học bổ sung kiến thức (cùng tên học phần và số tín chỉ bằng hoặc lớn hơn số tín chỉ học phần học bổ sung kiến thức) thì ứng viên được miễn các học phần đó.

- Kết quả bổ sung kiến thức của những năm trước vẫn được công nhận nếu còn trong thời hạn 24 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển.

Phụ lục II

ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN, ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

(Đính kèm Thông báo số 70 /TB-DHTDM ngày 14 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

I. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1. Điều kiện về văn bằng

- Ứng viên đã tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường. Đối với ngành cần học bổ sung kiến thức, ứng viên phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức xem tại Phụ lục I của thông báo này.

- Đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu ứng viên có xếp loại tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học trên các tạp chí chuyên ngành được tính điểm của Hội đồng Giáo sư nhà nước, Kỷ yếu Hội thảo khoa học có chỉ số ISBN, sách có chỉ số ISBN hoặc là chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên đã nghiệm thu đạt có liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận của Cục quản lý chất lượng.

2. Điều kiện về ngoại ngữ

Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam. Ngôn ngữ nước ngoài áp dụng tại nội dung này là tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật và tiếng Nga⁶. Cụ thể, ứng viên phải thỏa mãn một trong các điều kiện về ngoại ngữ dưới đây:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Thủ Dầu Một cấp trong thời gian không quá 02 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam⁷;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại **Phụ lục III** của thông báo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

⁶- Ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.

⁷ Bằng tốt nghiệp đại học chính quy; Bằng tốt nghiệp thạc sĩ; Bằng tốt nghiệp tiến sĩ do TDMU cấp và Người học đủ điều kiện tốt nghiệp TDMU thuộc các loại hình trên (Có giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời và đáp ứng ngoại ngữ chuẩn đầu ra Bậc 3/6). Người học nộp kèm theo văn bằng/chứng chỉ ngoại ngữ để xác định ngôn ngữ ngoại ngữ đầu ra.

d) Ứng viên chưa đủ điều kiện ngoại ngữ ở các mục a, b, c phải đăng ký dự thi đánh giá năng lực ngoại ngữ ở trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường Đại học Thủ Dầu Một tổ chức trong đợt tuyển sinh. Kết quả thi chỉ áp dụng cho đợt thi của thí sinh đăng ký, không bảo lưu cho các đợt kế tiếp và không cấp giấy chứng nhận.

Bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ được tổ chức đánh giá 4 kỹ năng: Nghe – Nói - Đọc - Viết. Trong đó, các bài thi Nghe - Đọc - Viết ứng viên làm bài thi trên máy tính; bài thi Nói theo hình thức thi vấn đáp. Ứng viên phải đạt 50 điểm trở lên theo thang điểm 100 môn ngoại ngữ đồng thời các bài thi Nghe - Nói - Đọc - Viết không dưới 30% thang điểm cho mỗi kỹ năng mới đủ điều kiện xét tuyển.

Riêng ngành Ngôn ngữ Anh, ngoại ngữ ứng viên đăng ký dự tuyển đầu vào là ngôn ngữ khác ngôn ngữ Anh (xem **Phụ lục III**).

3. Các điều kiện khác

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Có đủ sức khỏe học tập.

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng hạn theo quy định của Trường.

- Đối với người dự tuyển thuộc diện chính sách ưu tiên phải có đủ hồ sơ theo quy định tại phụ lục này.

- Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo quy định thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học.

- Đối với ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của Trường Đại học Thủ Dầu Một. Việc xác định chuyên ngành đối với ứng viên là công dân nước ngoài sẽ đối chiếu các môn học có tên gọi giống hoặc tương đương để xác định chuyên ngành hoặc chuyên môn chuyên đổi.

II. CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH

1. Ưu tiên theo khu vực

Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách

a) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

b) Quân nhân; sĩ quan; hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;

c) Con liệt sĩ;

d) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

e) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

f) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;

g) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng;

h) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

Ứng viên nộp hồ sơ ưu tiên cùng với thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

3. Hồ sơ hưởng chính sách ưu tiên

TT	Đối tượng	Hồ sơ hưởng chính sách ưu tiên
1	Ưu tiên theo khu vực	
	Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành	Hợp đồng lao động (sao y hoặc công chứng); quyết định tiếp nhận hoặc điều động công tác của cấp có thẩm quyền và xác nhận của UBND phường/xã về việc cơ quan đó đóng trên địa bàn được ưu tiên
2	Ưu tiên theo đối tượng chính sách	
a)	Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	Thẻ thương/bệnh binh (sao y hoặc công chứng) hoặc các loại giấy tờ có liên quan
b)	Quân nhân; sĩ quan; hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1	Quyết định cử đi học (sao y hoặc công chứng) và xác nhận của đơn vị về thời gian công tác từ 12 tháng trở lên
c)	Con liệt sĩ	Giấy chứng nhận con liệt sĩ, Bảng tổ quốc ghi công có tên liệt sĩ (sao y hoặc công chứng) kèm theo giấy tờ chứng minh mối quan hệ thân nhân với liệt sĩ.
d)	Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên	Thẻ thương/bệnh binh (sao y hoặc công chứng) hoặc các loại giấy tờ có liên quan kèm theo giấy tờ chứng minh mối quan hệ thân nhân.
e)	Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên	

TT	Đối tượng	Hồ sơ hưởng chính sách ưu tiên
f)	Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến	
g)	Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	
h)	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành	Thẻ CCCD (sao y hoặc công chứng) và xác nhận của xã/phường nơi cư trú

4. Điểm ưu tiên

a) Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này được cộng vào kết quả thi 10 điểm môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định và được cộng 1,0 điểm (theo thang điểm 10) vào tổng điểm xét tuyển;

b) Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

Phụ lục III

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Đính kèm Thông báo số 70 /TB-DHTDM ngày 14 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Danh mục chứng chỉ Ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên (Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021; Quyết định số 925/QĐ-BGDĐT ngày 31/3/2023; Quyết định số 93/QĐ-BGDĐT ngày 05/01/2024; Quyết định số 2838/QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2024)

Stt	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT ⁸	30 – 45	46 – 93
		TOEFL ITP	450 – 499	
		IELTS	4.0 – 5.0	5.5 – 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/Linguaskill. Thang điểm : 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm : 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis ESOL (Aptis ESOL International Certificate)	Aptis ESOL B1	Aptis ESOL B2
		PTE (Pearson Test of English)	43-58	59-75
		PEIC (Pearson English International Certificate)	Level 2	Level 3
		VSTEP ⁹ (Vietnamese Standardized Test of English Proficiency)	Bậc 3	Bậc 4

⁸ - Nhà trường không nhận chứng chỉ TOEFL iBT Home Edition (Chứng chỉ TOEFL iBT thi tại nhà).

- Lý do: Hiện tại IIG Việt Nam không tổ chức thi cũng như không cung cấp dịch vụ hậu kiểm bài thi này tại Việt Nam, nên Nhà trường khó có điều kiện kiểm tra tính xác thực của chứng chỉ TOEFL iBT Home Edition.

⁹ Nhà Trường chỉ chấp nhận các chứng chỉ VSTEP được cấp bởi các cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép.

Stt	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF : 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF : 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe – Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ – Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

(*) Các Chứng chỉ theo danh mục nêu trên có thời hạn không quá 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển.

2. Danh mục các Trường đại học được phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (cập nhật đến tháng 3 năm 2025 từ Cục Quản lý chất lượng - Bộ GD-ĐT)

Stt	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh Nhân dân
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền

Đạt

Stt	Tên đơn vị
18	Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (HUIT)
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học Quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM
22	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM
23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
29	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
30	Trường Đại học Lạc Hồng
31	Trường Đại học Đồng Tháp
32	Đại học Duy Tân
33	Trường Đại học Phenikaa
34	Học Viện Ngân hàng
35	Trường ĐH Tài chính – Marketing
36	Trường ĐH Thành Đông
37	Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh
38	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng
<p>Và các trường Đại học khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Tính đến thời điểm nhận hồ sơ)</p>	

Phụ lục IV

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Đính kèm Thông báo số 70/TB-ĐHTDM ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Phiếu đăng ký dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ (02 bản);
2. Lý lịch khoa học có xác nhận của địa phương hoặc cơ quan công tác (01 bản, còn trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển sinh);
3. Bản sao y bằng tốt nghiệp đại học¹⁰/Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời/Giấy xác nhận đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học hoặc trình độ tương đương trở lên (02 bản);
4. Bản sao y bằng điểm tốt nghiệp đại học (02 bản);
5. Bản sao y giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục khảo thí và Kiểm định Chất lượng giáo dục đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (02 bản, nếu có);
6. Bản sao y Căn cước công dân (02 bản);
7. Giấy khám sức khỏe (01 bản, còn trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển sinh);
8. Bản sao y chứng chỉ ngoại ngữ/bằng cử nhân ngoại ngữ/giấy xác nhận đào tạo chủ yếu bằng tiếng nước ngoài hoặc giấy chứng nhận điểm thi ngoại ngữ đối với ứng viên là cựu sinh viên của TDMU (02 bản, nếu có);
9. Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (01 bản sao y, nếu có);
10. 03 ảnh 3x4 (ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh vào mặt sau ảnh);
11. Giấy xác nhận hoàn thành học bổ sung kiến thức (01 bản, nếu có);
12. Bản công bố khoa học (03 bản, nếu có);
13. Bài luận dự định nghiên cứu (03 bản, theo mẫu đính kèm, áp dụng đối với tất cả ứng viên dự tuyển).

- Biểu mẫu hồ sơ đăng ký dự tuyển tải tại Link:

<https://bdsdh.tdmu.edu.vn/Home/DanhSach/1237>

- Hồ sơ đăng ký dự tuyển nộp tại link: <https://forms.gle/mBQYmTc4AohFddn78>

¹⁰ Đối với bằng tốt nghiệp và bằng điểm do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cần có bản dịch thuật của cơ quan có thẩm quyền dịch thuật.

Phụ lục V

**KẾ HOẠCH CHI TIẾT
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026**

(Đính kèm Thông báo số 70/TB-ĐHTDM ngày 14 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

I. ĐỢT 1 NĂM 2026

STT	Nội dung	Khung thời gian dự kiến
1	Tổ chức học bổ sung kiến thức	Từ ngày 28/3/2026 đến 31/5/2026
2	Ôn ngoại ngữ đầu vào	Từ ngày 20/6/2026 đến 05/7/2026
3	Kết thúc nhận hồ sơ tuyển sinh	Ngày 21/6/2026
4	Xét hồ sơ dự tuyển	Từ ngày 22/6/2026 đến ngày 26/6/2026
5	Thông báo ứng viên đủ điều kiện dự tuyển	Ngày 30/6/2026
6	Nhận giấy báo dự tuyển	Từ 8h00 ngày 13/7/2026 đến 17h00 ngày 17/7/2026
7	Tổ chức xét bài luận dự định nghiên cứu	Ngày 18/7/2026
8	Tổ chức đánh giá ngoại ngữ đầu vào	Ngày 19/7/2026
9	Thông báo điểm thi ngoại ngữ và điểm xét tuyển	Ngày 30/7/2026
10	Thông báo kết quả trúng tuyển	Ngày 14/8/2026
11	Nhập học	Từ ngày 24/8/2026 đến ngày 28/8/2026
12	Khai giảng – Tổ chức học	Ngày 29/8/2026
13	Quyết định công nhận học viên	Ngày 11/9/2026

II. ĐỢT 2 NĂM 2026

STT	Nội dung	Khung thời gian dự kiến
1	Tổ chức học bổ sung kiến thức	Từ ngày 04/7/2026 đến 20/9/2026
2	Ôn ngoại ngữ đầu vào	Từ ngày 03/10/2026 đến 24/10/2026
3	Kết thúc nhận hồ sơ tuyển sinh	Ngày 11/10/2026
4	Xét hồ sơ dự tuyển	Từ ngày 12/10/2026 đến ngày 16/10/2026
5	Thông báo ứng viên đủ điều kiện dự tuyển	Ngày 28/10/2026
6	Nhận giấy báo dự tuyển	Từ 8h00 ngày 09/11/2026 đến 17h00 ngày 13/11/2026
7	Tổ chức xét bài luận dự định nghiên cứu	Ngày 14/11/2026
8	Tổ chức đánh giá ngoại ngữ đầu vào	Ngày 15/11/2026
9	Thông báo điểm thi ngoại ngữ và điểm xét tuyển	Ngày 25/11/2026
10	Thông báo kết quả trúng tuyển	Ngày 04/12/2026
11	Nhập học	Từ ngày 14/12/2026 đến ngày 20/12/2026
12	Khai giảng	Ngày 27/12/2026
13	Quyết định công nhận học viên	Ngày 31/12/2026
14	Tổ chức học	Ngày 09/01/2027

Eme

Phụ lục VI

HƯỚNG DẪN THỦ TỤC NỘP TIỀN QUA TÀI KHOẢN VÀ HỌC PHÍ HỆ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

(Đính kèm Thông báo số 70/TB-ĐHTDM ngày 14 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Lệ phí tuyển sinh

a) Mức thu

- Xét tuyển thẳng; Xét tuyển theo hồ sơ năng lực không thi đánh giá năng lực ngoại ngữ: 510.000 đồng

- Xét tuyển theo hồ sơ năng lực kết hợp thi đánh giá năng lực ngoại ngữ: 710.000đ

b) Hình thức nộp:

- Chuyển tiền vào tài khoản, đơn vị thụ hưởng: **Trường Đại học Thủ Dầu Một - Số tài khoản: 6500465078 tại ngân hàng BIDV, Chi nhánh Bình Dương.**

- Cú pháp nộp tiền: XTK26 HOVATEN SO CCCD

Ví dụ: XTK26 NGUYEN VAN A 074184123456

2. Học phí ôn tập ngoại ngữ đầu vào

- Học phí ôn tập: 1.800.000 đồng

- Hình thức nộp: Chuyển tiền vào tài khoản

+ Đơn vị thụ hưởng: **Trung tâm Ngoại ngữ - Trường Đại học Thủ Dầu Một**

+ Số tài khoản: **8601443999 tại Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Bình Dương.**

- Cú pháp nộp tiền: CH26 HOVATEN SO CCCD

Ví dụ: CH26 NGUYEN VAN A 074184123456

Ghi chú:

- Ứng viên nên lưu lại giấy nộp tiền hoặc ảnh chụp màn hình chuyển khoản để làm cơ sở đối chiếu, xác minh các thông tin tài chính với Nhà trường khi cần thiết.

- Nhà trường không hoàn trả học phí, lệ phí sau khi ứng viên đã nộp tiền theo quy định.

3. Mức thu học phí đào tạo trình độ thạc sĩ áp dụng tại năm học 2026 – 2027¹¹

Stt	Chuyên ngành	Mã ngành	Học phí/năm học	
1	Quản lý giáo dục	8140114	32.220.000	đồng/năm học
2	Quản trị kinh doanh	8340101		
3	Tài chính ngân hàng	8340201		
4	Kế toán	8340301		
5	Luật kinh tế	8380107		
6	Văn học Việt Nam	8220121	34.380.000	đồng/năm học
7	Ngôn ngữ Anh	8220201		
8	Lịch sử Việt Nam	8229013		
9	Tâm lý học	8310401		
10	Công tác xã hội	8760101	34.740.000	đồng/năm học
11	Hóa học	8440112		
12	Khoa học môi trường	8440301	37.620.000	đồng/năm học
13	Toán học	8460101		
14	Hệ thống thông tin	8480104		

¹¹ - Căn cứ Quyết định số 1392/QĐ-ĐHTDM ngày 23/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc Ban hành mức thu học phí trình độ đào tạo sau đại học năm học 2025-2026 và 2026-2027.

- Nhà trường không hoàn trả học phí khi học viên trúng tuyển đã nộp tiền theo quy định.